



PHỤ LỤC 04

DANH SÁCH SINH VIÊN PHỤC HỒI RÚT TÍN CHỈ HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Thông báo số: 308/TB-ĐHSP ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHN)

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
1	3110117014	Phan Thị Thanh Huyền	41241859	Tiếng Anh A2.2	17-0108	17ST
2	3110118002	Lê Nguyễn Gia Bảo	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	18ST
3	3110119007	Võ Phạm Tú Bằng	31131293	Hình học Affine và hình học Euclide	19-0102	19ST2
4	3110119054	Lê Yến Nhi	31131131	Đa thức và nhân tử hóa	19-0101	19ST1
5	3110119068	Trần Ngọc Tâm	32021738	Tham vấn tâm lý	19-0101	19ST1
6	3110319002	Phạm Thị Ngọc Diệp	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0101	19CTUD
7	3110319002	Phạm Thị Ngọc Diệp	31131612	Phương trình hàm	19-0101	19CTUD
8	311033151147	Trần Thị Vi	31231096	Công cụ và môi trường phát triển phần mềm	17-0203	15CTUD2
9	312011151106	Lưu Ngọc Đức	32041719	Tâm lý học giáo dục	19-0103	15SPT
10	312011151106	Lưu Ngọc Đức	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0211	15SPT
11	312011161102	Nguyễn Hoàng Anh	31238034	An toàn và bảo mật thông tin	17-0201	16SPT
12	312011161102	Nguyễn Hoàng Anh	31231546	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	17-0202	16SPT
13	312011161105	Trần Thị Kim Chung	3121033	Kiểm thử phần mềm	16-0101	16SPT
14	312011161105	Trần Thị Kim Chung	32221357	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	18-0101	16SPT
15	312011161106	Lê Văn Chương	31231455	Mã nguồn mở	18-0102	16SPT
16	312011161116	Trần Thị Huệ	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0203	16SPT
17	312011161118	Huỳnh Quốc Huy	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0203	16SPT
18	312011161121	Trần Trung Khoa	41231858	Tiếng Anh A2.1	16-0206	16SPT
19	312011161124	Nguyễn Thị Mai Loan	3121033	Kiểm thử phần mềm	16-0101	16SPT
20	312011161124	Nguyễn Thị Mai Loan	41231858	Tiếng Anh A2.1	16-0206	16SPT
21	312011161124	Nguyễn Thị Mai Loan	32221884	Tin học chuyên ngành 2	18-0101	16SPT
22	312011161124	Nguyễn Thị Mai Loan	31131766	Thống kê toán	17-0101	16SPT
23	312011161124	Nguyễn Thị Mai Loan	31221451	Lý thuyết tính toán	19-0103	16SPT
24	312011161128	Võ Lê Kim Thy	32221884	Tin học chuyên ngành 2	18-0101	16SPT
25	312011161129	Nguyễn Thị Thủy Tiên	31131766	Thống kê toán	17-0101	16SPT
26	312011161135	Phạm Đức Tuấn	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0203	16SPT
27	312011161139	Nguyễn Long Vũ	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0203	16SPT
28	3120117010	Nguyễn Quang Huy	31231076	Cơ sở dữ liệu nâng cao	17-0218	17SPT

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
29	3120117011	Lê Thị Ngọc Huyền	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	19-0101	17SPT
30	3120117018	Lê Đình Anh Sơn	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	19-0101	17SPT
31	3120117020	Lê Văn Thành	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	19-0101	17SPT
32	3120217008	Nguyễn Văn Cầm	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0202	17CNTT1
33	3120217008	Nguyễn Văn Cầm	31231076	Cơ sở dữ liệu nâng cao	17-0202	17CNTT1
34	3120217018	Khổng Thị Anh Đào	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0202	17CNTT2
35	3120217020	Huỳnh Văn Đồng	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0102	17CNTT1
36	3120217021	Phạm Thành Đức	31231546	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	17-0204	17CNTT1
37	3120217021	Phạm Thành Đức	31231455	Mã nguồn mở	18-0102	17CNTT1
38	3120217021	Phạm Thành Đức	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0202	17CNTT1
39	3120217025	Nguyễn Thị Dung	31231096	Công cụ và môi trường phát triển phần mềm	17-0201	17CNTT2
40	3120217027	Ngô Thị Kiều Dung	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0203	17CNTT3
41	3120217029	Huỳnh Tuấn Dương	31231096	Công cụ và môi trường phát triển phần mềm	17-0201	17CNTT3
42	3120217030	Lâm Thị Dương	31231546	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	17-0202	17CNTT1
43	3120217038	Nguyễn Thị Thanh Hà	31231546	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	17-0202	17CNTT1
44	3120217053	Trần Minh Hiếu	31231096	Công cụ và môi trường phát triển phần mềm	17-0201	17CNTT2
45	3120217053	Trần Minh Hiếu	31231282	Hệ phân tán	17-0202	17CNTT2
46	3120217053	Trần Minh Hiếu	31231391	Lập trình di động	17-0201	17CNTT2
47	3120217053	Trần Minh Hiếu	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0202	17CNTT2
48	3120217086	Võ Ngọc Ký	31231076	Cơ sở dữ liệu nâng cao	17-0203	17CNTT2
49	3120217086	Võ Ngọc Ký	31231096	Công cụ và môi trường phát triển phần mềm	17-0201	17CNTT2
50	3120217086	Võ Ngọc Ký	31231282	Hệ phân tán	17-0202	17CNTT2
51	3120217086	Võ Ngọc Ký	31231546	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	17-0203	17CNTT2
52	3120217089	Nguyễn Tùng Lâm	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0203	17CNTT3
53	3120217094	Nguyễn Thị Thảo Linh	31231546	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	17-0202	17CNTT1
54	3120217095	Nguyễn Văn Linh	31231282	Hệ phân tán	18-0104	17CNTT3
55	3120217128	Huỳnh Phi Phong	31231096	Công cụ và môi trường phát triển phần mềm	17-0202	17CNTT2
56	3120217128	Huỳnh Phi Phong	31231391	Lập trình di động	17-0203	17CNTT2
57	3120217128	Huỳnh Phi Phong	41241859	Tiếng Anh A2.2	17-0108	17CNTT2
58	3120217128	Huỳnh Phi Phong	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0104	17CNTT2
59	3120217132	Lưu Vạn Phú	31231096	Công cụ và môi trường phát triển phần mềm	17-0201	17CNTT3
60	3120217132	Lưu Vạn Phú	31231282	Hệ phân tán	18-0104	17CNTT3
61	3120217132	Lưu Vạn Phú	31231391	Lập trình di động	17-0201	17CNTT3
62	3120217132	Lưu Vạn Phú	31231546	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	17-0202	17CNTT3

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
63	3120217132	Lưu Vạn Phú	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0203	17CNTT3
64	3120217136	Đặng Mậu Quang	31231330	Khai phá dữ liệu	17-0218	17CNTT1
65	3120217136	Đặng Mậu Quang	31231546	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	17-0202	17CNTT1
66	3120217186	Phạm Bảo Toàn	31231546	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	17-0203	17CNTT1
67	3120217186	Phạm Bảo Toàn	31231096	Công cụ và môi trường phát triển phần mềm	17-0203	17CNTT1
68	3120217199	Lê Tiến Trường	31231076	Cơ sở dữ liệu nâng cao	17-0203	17CNTT1
69	3120217204	Phạm Văn Tú	31231917	Trí tuệ nhân tạo	17-0203	17CNTT3
70	3120217215	Trần Lê Viết Vũ	31231391	Lập trình di động	17-0201	17CNTT2
71	3120218002	Doãn Trường An	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0103	18CNTT3
72	3120218002	Doãn Trường An	31221862	Tiếng Anh chuyên ngành (Công nghệ thông tin)	18-0105	18CNTT3
73	3120218002	Doãn Trường An	31231456	Mạng máy tính	18-0103	18CNTT3
74	3120218002	Doãn Trường An	31231918	Truyền và bảo mật thông tin	18-0103	18CNTT3
75	3120218002	Doãn Trường An	31231455	Mã nguồn mở	18-0103	18CNTT3
76	3120218002	Doãn Trường An	00101268	Giáo dục thể chất 4	01	18CNTT3
77	3120218025	Nguyễn Tuấn Đức	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0102	18CNTT4
78	3120218028	Trương Văn Đức	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0103	18CNTT3
79	3120218030	Phan Đại Dương	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0103	18CNTT2
80	3120218052	Nguyễn Thanh Hoà	31221862	Tiếng Anh chuyên ngành (Công nghệ thông tin)	18-0105	18CNTT3
81	3120218058	Huỳnh Tấn Hoàng	31231396	Lập trình Java nâng cao	18-0101	18CNTT2
82	3120218058	Huỳnh Tấn Hoàng	31231455	Mã nguồn mở	18-0105	18CNTT2
83	3120218074	Hồ Thị Thanh Huyền	31231455	Mã nguồn mở	18-0101	18CNTT4
84	3120218090	Nguyễn Thị Tường Lê	31231455	Mã nguồn mở	18-0101	18CNTT4
85	3120218094	Lương Văn Lĩnh	41231858	Tiếng Anh A2.1	18-0207	18CNTT3
86	3120218105	Lê Trung Hoàng Long	31231396	Lập trình Java nâng cao	18-0101	18CNTT2
87	3120218107	Võ Thành Long	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0211	18CNTT4
88	3120218107	Võ Thành Long	31221862	Tiếng Anh chuyên ngành (Công nghệ thông tin)	18-0105	18CNTT4
89	3120218166	Trương Hồng Thái	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0108	18CNTT1
90	3120218166	Trương Hồng Thái	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0101	18CNTT1
91	3120218166	Trương Hồng Thái	31231918	Truyền và bảo mật thông tin	18-0105	18CNTT1
92	3120218166	Trương Hồng Thái	31231456	Mạng máy tính	18-0105	18CNTT1
93	3120218166	Trương Hồng Thái	31231455	Mã nguồn mở	18-0102	18CNTT1
94	3120218166	Trương Hồng Thái	31231074	Cơ sở dữ liệu	18-0104	18CNTT1
95	3120218221	Nguyễn Anh Tuấn	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0103	18CNTT4
96	3120218221	Nguyễn Anh Tuấn	31231455	Mã nguồn mở	18-0104	18CNTT4

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
97	3120218221	Nguyễn Anh Tuấn	31231396	Lập trình Java nâng cao	18-0104	18CNTT4
98	3120218221	Nguyễn Anh Tuấn	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0105	18CNTT4
99	3120218221	Nguyễn Anh Tuấn	31231456	Mạng máy tính	18-0102	18CNTT4
100	3120218221	Nguyễn Anh Tuấn	31231074	Cơ sở dữ liệu	18-0101	18CNTT4
101	3120218221	Nguyễn Anh Tuấn	32021370	Kỹ năng giao tiếp	19-0120	18CNTT4
102	3120218226	Phạm Thị Uyên	31231455	Mã nguồn mở	18-0101	18CNTT4
103	3120218232	Nguyễn Hoàng Việt	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0101	18CNTT1
104	3120219004	Nguyễn Văn Ánh	32021370	Kỹ năng giao tiếp	19-0102	19CNTT2
105	3120219007	Võ Việt Anh	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTT2
106	3120219031	Lê Minh Đức	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTT2
107	3120219031	Lê Minh Đức	31231907	Tối ưu tuyến tính	19-0101	19CNTT2
108	3120219031	Lê Minh Đức	31231387	Lập trình C/C++ nâng cao	19-0102	19CNTT2
109	3120219031	Lê Minh Đức	31231363	Kiến trúc máy tính	19-0102	19CNTT2
110	3120219031	Lê Minh Đức	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	19-0103	19CNTT2
111	3120219031	Lê Minh Đức	00201264	Giáo dục quốc phòng	19-0101	19CNTT2
112	3120219031	Lê Minh Đức	00101266	Giáo dục thể chất 2	19-0104	19CNTT2
113	3120219041	Phạm Tấn Dương	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0101	19CNTT1
114	3120219042	Nguyễn Hữu Thiên Duy	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTT2
115	3120219050	Lê Nhật Hào	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTT1
116	3120219061	Lê Văn Hoàng	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	19-0101	19CNTT1
117	3120219075	Nguyễn Văn Khải	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	19-0102	19CNTT2
118	3120219090	Trần Đăng Long	31221451	Lý thuyết tính toán	19-0103	19CNTT2
119	3120219096	Trần Trọng Minh	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0101	19CNTT1
120	3120219109	Đông Vũ Tiến Nghĩa	31231363	Kiến trúc máy tính	19-0102	19CNTT2
121	3120219115	Nguyễn Đình Hồng Nhi	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTT1
122	3120219144	Lê Huỳnh Minh Thái	31231907	Tối ưu tuyến tính	19-0103	19CNTT1
123	3120219161	Hồ Hữu Thịnh	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0102	19CNTT2
124	3120219179	Nguyễn Văn Trường	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0105	19CNTT2
125	3120219179	Nguyễn Văn Trường	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	19-0101	19CNTT2
126	3120219179	Nguyễn Văn Trường	31231907	Tối ưu tuyến tính	19-0102	19CNTT2
127	3120219179	Nguyễn Văn Trường	31231387	Lập trình C/C++ nâng cao	19-0101	19CNTT2
128	3120219179	Nguyễn Văn Trường	31231363	Kiến trúc máy tính	19-0101	19CNTT2
129	3120219194	Nguyễn Thị Ngọc Vân	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTT1
130	312022161103	Nguyễn Tân Bảo	31221101	Công nghệ phần mềm	17-0201	16CNTT1

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
131	312022161134	Nguyễn Phước Phong	41231858	Tiếng Anh A2.1	17-0504	16CNTT1
132	312022161148	Nguyễn Văn Phước Thành	31238035	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	18-0101	16CNTT1
133	312022161149	Dương Thị Bích Thu	31238035	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	18-0101	16CNTT1
134	3120417005	Đoàn Công Duy	31238032	Đồ họa máy tính	17-0201	17CNTTC
135	3120518008	Thái Bá Đạt	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0105	18CNTTD
136	3120518011	Nguyễn Thanh Hà	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0116	18CNTTD
137	3120518037	Trần Bảo Thành	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0116	18CNTTD
138	3120518039	Nguyễn Văn Thông	41231858	Tiếng Anh A2.1	18-0207	18CNTTD
139	3120519002	Phạm Anh	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTTD
140	3120519007	Lê Thị Ngọc Lan	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTTD
141	3120519009	Doãn Văn Nam	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTTD
142	3120519013	Phan Quang Thắng	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTTD
143	3120519014	Mai Đức Tin	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTTD
144	3120519016	Nguyễn Minh Toàn	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTTD
145	3120519044	Lê Thị Băng Nhi	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	19-0102	19CNTTD
146	3120519055	Trần Hữu Thọ	31221451	Lý thuyết tính toán	19-0103	19CNTTD
147	3120519056	Phạm Thị Như Thủy	32021370	Kỹ năng giao tiếp	19-0102	19CNTTD
148	313011161117	Nguyễn Hoài Linh	31141901	Toán cao cấp 2	19-0101	16SVL
149	3130117011	Lê Việt Thành Phát	31331459	Nhiệt học	19-0101	17SVL
150	3130117027	Nguyễn Trương Trà	31321354	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Vật lý	17-0101	17SVL
151	3130118028	Trần Thị Thanh Thủy	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	19-0201	18SVL
152	313022161114	Nguyễn Hồ Diệu Khanh	31331459	Nhiệt học	19-0101	16CVL
153	3140118025	Nguyễn Phương Phương	31421035	Các hợp chất tạp chức và cao phân tử	18-0101	18SHH
154	3140118025	Nguyễn Phương Phương	31421869	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa	18-0101	18SHH
155	314022161127	Ngô Đỗ Cao Kiều	31422136	Kỹ thuật chiết tách các hợp chất có hoạt tính sinh học	18-0101	16CHP
156	314022161131	Nguyễn Khánh Linh	31422136	Kỹ thuật chiết tách các hợp chất có hoạt tính sinh học	18-0101	16CHP
157	314022161170	Mai Huỳnh Ngọc Xuân	31441315	Hóa phân tích	18-0101	16CHP
158	3140317011	Hà Thị Thu Hiền	41231858	Tiếng Anh A2.1	16-0206	17CHD
159	3140317011	Hà Thị Thu Hiền	31421085	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	19-0102	17CHD
160	3140317057	Nguyễn Vũ Mỹ Trà	31422135	Hóa chất bảo vệ thực vật	17-0301	17CHD
161	3140317057	Nguyễn Vũ Mỹ Trà	41231858	Tiếng Anh A2.1	17-0505	17CHD
162	3140319040	Võ Thị Lệ Giang	31421084	Cơ sở lý thuyết hoá hữu cơ	19-0102	19CHD
163	3140319040	Võ Thị Lệ Giang	31421085	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	19-0102	19CHD
164	3140319040	Võ Thị Lệ Giang	31441318	Hóa vô cơ	19-0101	19CHD

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
165	3140319040	Võ Thị Lệ Giang	31441511	Nhiệt và động hóa học	19-0102	19CHD
166	3140319040	Võ Thị Lệ Giang	31522142	Phân loại thực vật	19-0101	19CHD
167	314034151108	Phùng Thị Trà Giang	31421085	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	19-0102	15CHD2
168	314034151108	Phùng Thị Trà Giang	31441511	Nhiệt và động hóa học	19-0101	15CHD2
169	314034151108	Phùng Thị Trà Giang	41231858	Tiếng Anh A2.1	18-0208	15CHD2
170	3140417024	Võ Khánh Linh	31441318	Hóa vô cơ	19-0101	17CQM
171	314054161116	Nguyễn Thị Thanh Hiền	31421999	Xử lý số liệu thực nghiệm	18-0101	16CHDE
172	314054161116	Nguyễn Thị Thanh Hiền	31621549	Pháp luật đại cương	18-0102	16CHDE
173	314054161132	Trần Võ Thu Ngân	31421999	Xử lý số liệu thực nghiệm	18-0101	16CHDE
174	314054161132	Trần Võ Thu Ngân	31621549	Pháp luật đại cương	18-0102	16CHDE
175	314054161132	Trần Võ Thu Ngân	31441318	Hóa vô cơ	19-0101	16CHDE
176	3150117019	Hồ Thị Bích Xy	31121994	Xác suất thống kê	19-0101	17SS
177	3150118005	Nguyễn Quang Minh	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0104	18SS
178	3150118012	Ngô Vũ Bảo Trân	31521016	Bài tập sinh học phổ thông	17-0301	18SS
179	3150319022	Phạm Đình Thắng	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0103	19CTM
180	3150319022	Phạm Đình Thắng	31121994	Xác suất thống kê	19-0101	19CTM
181	3150319027	Nguyễn Thị Nhị Trung	00201264	Giáo dục quốc phòng	19-0101	19CTM
182	3150319027	Nguyễn Thị Nhị Trung	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0103	19CTM
183	3150319027	Nguyễn Thị Nhị Trung	31521596	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học môi trường	19-0101	19CTM
184	3150319027	Nguyễn Thị Nhị Trung	31521688	Sinh thái học	19-0101	19CTM
185	3150319027	Nguyễn Thị Nhị Trung	31921825	Thực hành trắc địa Đại cương	19-0101	19CTM
186	315032161102	Lê Duy Anh	31521644	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	18-0201	16CTM
187	3150417013	Phan Thị Thúy Hiền	31521345	Kiểm nghiệm an toàn lương thực, thực phẩm	17-0301	17CNSH
188	3150418002	Lê Thị Nhật Anh	31521464	Miễn dịch học	18-0201	18CNSH
189	3150418002	Lê Thị Nhật Anh	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
190	3150418002	Lê Thị Nhật Anh	31521680	Sinh học phân tử	18-0201	18CNSH
191	3150418003	Đoạn Thế Bảo	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
192	3150418003	Đoạn Thế Bảo	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0102	18CNSH
193	3150418004	Hoàng Thị Mỹ Duyên	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
194	3150418005	Trần Lê Hương Giang	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
195	3150418018	Trần Thị Ngọc Oanh	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
196	3150418020	Trương Thị Kim Oanh	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
197	3150418022	Võ Lý Nữ Thị Phi	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
198	3150418023	Nguyễn Công Quảng	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
199	3150418026	Trần Thị Thanh Tâm	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
200	3150418029	Lâm Thị Phương Thảo	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
201	3150418030	Ngô Thị Bích Thảo	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0103	18CNSH
202	3150418030	Ngô Thị Bích Thảo	31521343	Kĩ thuật trong SX nông nghiệp công nghệ cao	18-0201	18CNSH
203	3150418030	Ngô Thị Bích Thảo	31521464	Miễn dịch học	18-0201	18CNSH
204	3150418030	Ngô Thị Bích Thảo	31521680	Sinh học phân tử	18-0201	18CNSH
205	3150418031	Trần Thái Thoa	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
206	3150418031	Trần Thái Thoa	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0103	18CNSH
207	3150418033	Truk Hoài Thương	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
208	3150418039	Trần Thị Ánh Tuyết	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
209	3150418041	Nguyễn Thị Thu Uyên	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
210	3150418042	Nguyễn Yến Vy	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	18CNSH
211	3160119003	Hoàng Thị Diệu Anh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SGC
212	3160119009	Nguyễn Thị Hồng Định	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SGC
213	3160119014	Tổng Mỹ Duyên	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SGC
214	3160119021	Hồ Thị Hoạt	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SGC
215	3160119028	Alăng Thị Mai Lê	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0213	19SGC
216	3160119041	Trần Thị Kim Ngân	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SGC
217	3160119042	Alăng Thị Nhì	31821320	Lịch sử Việt Nam cận – hiện đại	19-0201	19SGC
218	3160119043	Lê Thị Thảo Nhiên	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SGC
219	3160417008	Hoàng Thị Minh Huyền	31622079	Nhạc cụ piano	17-0401	17SAN
220	3160417010	Trần Đình Khiêm	41231858	Tiếng Anh A2.1	17-0501	17SAN
221	3160417014	Phan Hữu Nghĩa	41241859	Tiếng Anh A2.2	17-0101	17SAN
222	3160417021	Phan Văn Thọ	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0209	17SAN
223	3160417022	Mai Thị Lệ Thu	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	17SAN
224	3160418018	Y Ô Nít	41251861	Tiếng Anh dự bị	02	18SAN
225	3160418023	Đặng Văn Sử	41251861	Tiếng Anh dự bị	02	18SAN
226	3160418030	Đinh Thị Bích Vân	41251861	Tiếng Anh dự bị	02	18SAN
227	3160419002	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	19SAN
228	3160419003	Hoàng Nữ Cẩm Duyên	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SAN
229	3160419005	Nguyễn Như Ngọc	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SAN
230	3160419010	Đông Hồng Anh Thư	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SAN
231	3160419013	Đỗ Khắc Tiệp	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SAN
232	3160419015	Y - Tuế	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SAN

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
233	3160419018	Lê Văn Dũng	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	19SAN
234	3160419019	Phan Thanh Hiền	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SAN
235	3160419020	Phan Thế Hiền	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0217	19SAN
236	3160419022	Dương Văn Hiệu	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0217	19SAN
237	3160419022	Dương Văn Hiệu	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0206	19SAN
238	3160419023	Trần Quang Huy	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SAN
239	3160419024	Tôn Thị Diễm Linh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	19SAN
240	3160419025	Huỳnh Thiên Phú	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0217	19SAN
241	3160419025	Huỳnh Thiên Phú	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0213	19SAN
242	3160419026	Nguyễn Tấn Tường	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SAN
243	3160419028	Ngô Minh Việt	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SAN
244	3170117005	Nguyễn Thị Duyên	31721557	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	17-0401	17SNV
245	3170117006	Nguyễn Thị Nguyên Giang	31721557	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	17-0401	17SNV
246	3170118013	Huỳnh Thị Diễm Hương	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0106	18SNV
247	3170118016	Nguyễn Thị Linh Hương	32021738	Tham vấn tâm lý	18-0103	18SNV
248	3170118017	Phạm Phương Linh	32021738	Tham vấn tâm lý	18-0103	18SNV
249	3170118036	Phan Lê Ngọc Thư	32021738	Tham vấn tâm lý	18-0103	18SNV
250	3170118040	Trần Bảo Trân	32021738	Tham vấn tâm lý	18-0103	18SNV
251	3170118042	Phạm Thị Nhã Trúc	32021738	Tham vấn tâm lý	18-0103	18SNV
252	3170119001	Thành Thị Xuân Anh	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
253	3170119002	Nguyễn Thị Hà Anh	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
254	3170119003	Huỳnh Cẩm Bình	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
255	3170119004	Trần Hà Minh Châu	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
256	3170119005	Võ Tá Cường	31721133	Đại cương mỹ học	19-0201	19SNV
257	3170119006	Nguyễn Thị Dàng	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
258	3170119012	Nguyễn Thùy Giang	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
259	3170119013	Nguyễn Khánh Hạ	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
260	3170119022	Nguyễn Thu Hiếu	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
261	3170119023	Lê Thị Minh Hiếu	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
262	3170119024	Phan Huỳnh Như Hiếu	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
263	3170119027	Đình Hương	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0206	19SNV
264	3170119027	Đình Hương	31721493	Ngữ âm tiếng Việt	19-0201	19SNV
265	3170119027	Đình Hương	31721621	PPL NCKH chuyên ngành (Ngôn ngữ học)	19-0201	19SNV
266	3170119027	Đình Hương	32031255	Giáo dục học	19-0205	19SNV

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
267	3170119035	Phạm Nhật Linh	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
268	3170119041	Từ Nguyễn Trà My	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
269	3170119066	Nguyễn Thị Kim Quyên	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
270	3170119071	Đinh Thị Anh Thảo	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
271	3170119074	Phan Nguyễn Anh Thư	31721133	Đại cương mỹ học	19-0201	19SNV
272	3170119074	Phan Nguyễn Anh Thư	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
273	3170119083	Huỳnh Thị Thu Trâm	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
274	3170119088	Võ Thị Thùy Trang	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
275	3170119094	Ngô Thị Thục Uyên	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
276	3170119098	Nguyễn Thị Tường Vi	31721622	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	19-0201	19SNV
277	3170218030	Nguyễn Trần Hoài Oanh	32031255	Giáo dục học	19-0205	18CVH
278	3170219010	Nguyễn Văn Đông	31721957	Văn học dân gian các dân tộc thiểu số	19-0201	19CVH
279	317022161113	Nguyễn Phan Huy Hoàng	41251861	Tiếng Anh dự bị	01	16CVH
280	317022161132	Ngô Thị Thanh	32241477	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	17-0101	16CVH
281	317022161132	Ngô Thị Thanh	32221920	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	18-0101	16CVH
282	317022161140	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	32241477	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	17-0101	16CVH
283	317022161140	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	32221920	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	18-0101	16CVH
284	317022161141	Lê Kim Toàn	41251861	Tiếng Anh dự bị	01	16CVH
285	317023151145	Trần Thị Anh Thư	3030032	Thực tập tốt nghiệp	16-0211	15CVH2
286	3170319018	Huỳnh Khánh Huyền	31721133	Đại cương mỹ học	19-0202	19CVHH
287	3170319018	Huỳnh Khánh Huyền	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0208	19CVHH
288	3170319018	Huỳnh Khánh Huyền	31621741	Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại	19-0201	19CVHH
289	317033161122	Đặng Hoàng Nam	32048082	Tâm lý học xã hội	18-0201	16CVHH
290	3170417050	Phan Đình Hải	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	17CBC4
291	3170417062	Trần Thị Mỹ Hạnh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	17CBC4
292	3170417080	Hoàng Minh Huy	31721489	Ngôn ngữ báo chí	19-0201	17CBC1
293	3170417118	Mai Thị Lợi	41231858	Tiếng Anh A2.1	17-0504	17CBC2
294	3170417118	Mai Thị Lợi	31732116	Sản xuất chương trình phát thanh	17-0504	17CBC2
295	3170417118	Mai Thị Lợi	31722100	Tâm lý học báo chí	17-0503	17CBC2
296	3170417118	Mai Thị Lợi	31722098	Truyền thông Marketing	17-0504	17CBC2
297	3170417118	Mai Thị Lợi	31721491	Ngôn ngữ và văn hóa	17-0504	17CBC2
298	3170417118	Mai Thị Lợi	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0201	17CBC2
299	3170417163	Đinh Thị Tuyết Nhi	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	17CBC4
300	3170417169	Phạm Nguyễn An Như	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	17CBC3

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
301	3170417182	Trần Thị Gia Phúc	31732116	Sản xuất chương trình phát thanh	17-0503	17CBC2
302	3170417194	Hoàng Anh Quân	31732116	Sản xuất chương trình phát thanh	17-0501	17CBC1
303	3170417252	Trương Văn Trung	41231858	Tiếng Anh A2.1	17-0504	17CBC1
304	3170417263	Nguyễn Thanh Vy	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	17CBC4
305	3170418004	Phạm Thị Thiên Anh	31721498	Ngữ pháp văn bản	18-0104	18CBC4
306	3170418004	Phạm Thị Thiên Anh	31722107	Phòng vấn	18-0104	18CBC4
307	3170418004	Phạm Thị Thiên Anh	31722094	Nhập môn truyền hình	18-0104	18CBC4
308	3170418004	Phạm Thị Thiên Anh	31722095	Nhập môn báo mạng điện tử	18-0104	18CBC4
309	3170418004	Phạm Thị Thiên Anh	31732096	Lý luận và thực hành ảnh	18-0104	18CBC4
310	3170418036	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	41251861	Tiếng Anh dự bị	02	18CBC3
311	3170418164	Huỳnh Thị Mỹ Thuận	31722107	Phòng vấn	18-0104	18CBC4
312	3170418164	Huỳnh Thị Mỹ Thuận	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0209	18CBC4
313	3170418164	Huỳnh Thị Mỹ Thuận	31722093	Nhập môn phát thanh	18-0104	18CBC4
314	3170418164	Huỳnh Thị Mỹ Thuận	31722111	Tổ chức nội dung và trình bày ấn phẩm	18-0102	18CBC4
315	3170418164	Huỳnh Thị Mỹ Thuận	31732096	Lý luận và thực hành ảnh	18-0104	18CBC4
316	3170418175	Nguyễn Hoàng Thanh Trà	31722127	Tiếng Anh chuyên ngành báo chí 1	18-0102	18CBC3
317	3170419006	Lê Phạm Trung Anh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0209	19CBC1
318	3170419032	Nguyễn Thị Thanh Hiền	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0216	19CBC1
319	3170419037	Trần Thị Hoà	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0216	19CBC2
320	3170419037	Trần Thị Hoà	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0215	19CBC2
321	3170419068	Lê Thị Bảo Ly	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0208	19CBC2
322	3170419068	Lê Thị Bảo Ly	31742089	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	19-0202	19CBC2
323	3170419070	Lưu Thị Hồng Ly	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0209	19CBC1
324	3170419083	Trần Bích Ngọc	31721970	Văn học và báo chí	19-0202	19CBC2
325	3170419088	Đào Thị Quỳnh Như	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0208	19CBC2
326	3170419088	Đào Thị Quỳnh Như	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0210	19CBC2
327	3170419088	Đào Thị Quỳnh Như	31721970	Văn học và báo chí	19-0202	19CBC2
328	3170419088	Đào Thị Quỳnh Như	31721873	Tiếng Việt thực hành	19-0203	19CBC2
329	3170419088	Đào Thị Quỳnh Như	31722085	Đại cương văn học nước ngoài	19-0202	19CBC2
330	3170419088	Đào Thị Quỳnh Như	31742089	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	19-0202	19CBC2
331	3170419090	Phan Thị Quỳnh Như	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0210	19CBC1
332	3170419110	Nguyễn Ngọc Thanh Tâm	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0209	19CBC1
333	3170419123	Nguyễn Minh Thảo	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0210	19CBC2
334	317044161130	Nguyễn Lê Ngọc Nhi	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0215	16CBC1

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
335	318011161131	Nguyễn Thị Dạ Quỳnh	41241859	Tiếng Anh A2.2	17-0108	16SLS
336	3180117007	Rah Lan Đang	31821604	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy Lịch sử địa phương	17-0401	17SLS
337	3180117007	Rah Lan Đang	31821883	Tin học chuyên ngành (2)	18-0201	17SLS
338	3180117007	Rah Lan Đang	31831193	Địa phương học	17-0401	17SLS
339	3180117007	Rah Lan Đang	31831411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	17-0401	17SLS
340	3180117007	Rah Lan Đang	31831412	Lịch sử quan hệ quốc tế từ năm 1918 đến nay	17-0401	17SLS
341	3180117007	Rah Lan Đang	32021273	Giao tiếp sư phạm	19-0202	17SLS
342	3180119037	Trần Duy Chon Tâm	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SLS
343	3180217008	Lê Tú Anh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	17CVNH2
344	3180217025	Nguyễn Văn Dũng	31831749	Thị trường du lịch	17-0501	17CVNH1
345	3180217118	Nguyễn Thị Bích Nhiệm	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0215	17CVNH2
346	3180217125	Nguyễn Thị Phụng	41251861	Tiếng Anh dự bị	01	17CVNH1
347	3180217145	Ngô Thị Tâm	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0102	17CVNH1
348	3180217145	Ngô Thị Tâm	31831749	Thị trường du lịch	17-0501	17CVNH1
349	3180217148	Ngô Việt Thắng	41231858	Tiếng Anh A2.1	18-0203	17CVNH1
350	3180217148	Ngô Việt Thắng	31821410	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	17-0502	17CVNH1
351	3180217192	Nguyễn Thanh Tùng	41251861	Tiếng Anh dự bị	01	17CVNH1
352	3180218010	Phạm Thị Mỹ Châu	31831561	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	18-0201	18CVNH1
353	3180218094	Nguyễn Thị Thanh Phương	31721873	Tiếng Việt thực hành	19-0202	18CVNH1
354	3180218106	Nguyễn Đình Thắng	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0211	18CVNH2
355	3180218106	Nguyễn Đình Thắng	31721873	Tiếng Việt thực hành	18-0204	18CVNH2
356	3180218106	Nguyễn Đình Thắng	41251861	Tiếng Anh dự bị	05	18CVNH2
357	3180218106	Nguyễn Đình Thắng	31841487	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	18-0202	18CVNH2
358	3180218106	Nguyễn Đình Thắng	31921913	Tổng quan ngành lưu trú	18-0203	18CVNH2
359	3180218106	Nguyễn Đình Thắng	31831561	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	18-0202	18CVNH2
360	3180218131	Phạm Thị Tiến	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0213	18CVNH1
361	3180219105	Nguyễn Ngọc Ngà	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0220	19CVNH2
362	3180219105	Nguyễn Ngọc Ngà	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0210	19CVNH2
363	3180219105	Nguyễn Ngọc Ngà	31831221	Du lịch làng nghề	19-0202	19CVNH2
364	3180219105	Nguyễn Ngọc Ngà	32031073	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	19-0202	19CVNH2
365	3180219105	Nguyễn Ngọc Ngà	31821708	Tài nguyên du lịch	19-0202	19CVNH2
366	3180219105	Nguyễn Ngọc Ngà	31831945	Văn hóa Đông Nam Á	19-0202	19CVNH2
367	3180219118	Huỳnh Thị Như	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0210	19CVNH2
368	3180219118	Huỳnh Thị Như	32031073	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	19-0202	19CVNH2

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
369	3180219118	Huỳnh Thị Như	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0212	19CVNH2
370	3180219118	Huỳnh Thị Như	31821078	Cơ sở khảo cổ học	19-0203	19CVNH2
371	3180219118	Huỳnh Thị Như	31821708	Tài nguyên du lịch	19-0202	19CVNH2
372	3180219118	Huỳnh Thị Như	31831221	Du lịch làng nghề	19-0202	19CVNH2
373	3180219118	Huỳnh Thị Như	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	19-0202	19CVNH2
374	3180219118	Huỳnh Thị Như	31831945	Văn hóa Đông Nam Á	19-0202	19CVNH2
375	3180219144	Hoàng Bích Thảo	32031073	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	19-0202	19CVNH2
376	3180219144	Hoàng Bích Thảo	31831945	Văn hóa Đông Nam Á	19-0202	19CVNH2
377	3180219144	Hoàng Bích Thảo	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	19-0202	19CVNH2
378	3180219144	Hoàng Bích Thảo	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0210	19CVNH2
379	3180219144	Hoàng Bích Thảo	31821708	Tài nguyên du lịch	19-0202	19CVNH2
380	3180219144	Hoàng Bích Thảo	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0212	19CVNH2
381	3180219144	Hoàng Bích Thảo	31821078	Cơ sở khảo cổ học	19-0203	19CVNH2
382	3180219144	Hoàng Bích Thảo	31831221	Du lịch làng nghề	19-0202	19CVNH2
383	3180219196	Nguyễn Thị Hoàng Vi	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	19CVNH1
384	3180518003	Nguyễn Tuấn Hùng	41241859	Tiếng Anh A2.2	18-0209	18CLS
385	3180518006	Trần Ngọc Nhật Huyền	41241859	Tiếng Anh A2.2	18-0209	18CLS
386	3190117018	Dương Văn Linh	31921029	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	18-0201	17SDL
387	3190117030	Y Tỷ	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	17SDL
388	3190118020	Zorâm Thị Vân	31941184	Địa lý tự nhiên các lục địa	18-0201	18SDL
389	3190118020	Zorâm Thị Vân	31931189	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khái quát)	18-0201	18SDL
390	3190118020	Zorâm Thị Vân	31931179	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	18-0201	18SDL
391	3190118020	Zorâm Thị Vân	31931178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	18-0201	18SDL
392	3190118020	Zorâm Thị Vân	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0209	18SDL
393	3190118020	Zorâm Thị Vân	31921029	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	18-0201	18SDL
394	3190118020	Zorâm Thị Vân	31931568	Phương pháp dạy học Khoa học xã hội (KHXX)	18-0201	18SDL
395	3190119048	Văn Hoa Vương	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0209	19SDL
396	3190119048	Văn Hoa Vương	31921186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	19-0202	19SDL
397	3190119048	Văn Hoa Vương	31921337	Khoa học môi trường đại cương	19-0201	19SDL
398	3190417019	Trần Thị Kim Dung	31921913	Tổng quan ngành lưu trú	18-0204	17CDDL1
399	3190417028	Trần Công Hiện	41231858	Tiếng Anh A2.1	18-0203	17CDDL1
400	3190417035	Lê Đình Phi Hùng	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	19-0201	17CDDL1
401	3190417054	Lê Tự Tấn Minh	31831487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	17-0401	17CDDL1
402	3190417084	Lý Ngọc Thành	41231858	Tiếng Anh A2.1	18-0203	17CDDL1

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
403	3190417114	Lê Thuý Vy	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	19-0201	17CDDL1
404	3190418011	Hồ Thị Thanh Diễm	41251861	Tiếng Anh dự bị	03	18CDDL1
405	3190418067	Nguyễn Văn Tâm	00101266	Giáo dục thể chất 2	19-0213	18CDDL1
406	3190418067	Nguyễn Văn Tâm	00201264	Giáo dục quốc phòng	19-0202	18CDDL1
407	3190418075	Võ Thị Thu Tình	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0209	18CDDL2
408	3190418084	Thân Thị Kim Uyên	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0209	18CDDL2
409	3190419005	H Pôn Byă	31931184	Địa lý tự nhiên các lục địa	19-0220	19CDDL
410	3190419128	Võ Thị Ngọc Trâm	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	19-0201	19CDDL
411	3200217012	Nguyễn Hữu Đồng	41251861	Tiếng Anh dự bị	02	17CTL1
412	3200217017	Trần Thị Xuân Giang	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	17CTL1
413	3200217061	Trần Bích Ngọc	41241859	Tiếng Anh A2.2	17-0506	17CTL1
414	3200217068	Huỳnh Thị Bích Như	41251861	Tiếng Anh dự bị	03	17CTL2
415	3200217068	Huỳnh Thị Bích Như	32041602	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	18-0201	17CTL2
416	3200217068	Huỳnh Thị Bích Như	32031712	Tâm lý học chẩn đoán	18-0201	17CTL2
417	3200217073	Trần Thị Minh Phương	00101268	Giáo dục thể chất 4	05	17CTL1
418	3200217074	Trần Xuân Phương	32041736	Tâm lý học xã hội	17-0101	17CTL1
419	3200217091	Nguyễn Phương Thảo	32041736	Tâm lý học xã hội	17-0102	17CTL2
420	3200217092	Nguyễn Đức Thiện	32021442	Lý luận giáo dục	17-0101	17CTL1
421	3200217092	Nguyễn Đức Thiện	32021733	Tâm lý học trẻ chậm phát triển trí tuệ	17-0101	17CTL1
422	3200217092	Nguyễn Đức Thiện	32021730	Tâm lý học tệ nạn xã hội	17-0101	17CTL1
423	3200217092	Nguyễn Đức Thiện	32041736	Tâm lý học xã hội	17-0102	17CTL1
424	3200217092	Nguyễn Đức Thiện	41231858	Tiếng Anh A2.1	16-0206	17CTL1
425	3200218018	Lê Thiên Hà	32031256	Giáo dục học đại cương	18-0202	18CTL2
426	3200218043	Phan Thành Minh	00101268	Giáo dục thể chất 4	20	18CTL2
427	3200219002	Trần Vũ Vân Anh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
428	3200219005	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	31721993	Xã hội học đại cương	19-0203	19CTL
429	3200219005	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
430	3200219005	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	31621549	Pháp luật đại cương	19-0201	19CTL
431	3200219017	Đoàn Thị Kim Chi	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	19CTL
432	3200219036	Hồ Thị Thùy Dung	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
433	3200219039	Lê Thị Mỹ Duyên	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
434	3200219046	Nguyễn Văn Hà	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0212	19CTL
435	3200219049	Lê Thị Thúy Hằng	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0215	19CTL
436	3200219050	Nguyễn Thị Thúy Hằng	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0212	19CTL

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
437	3200219050	Nguyễn Thị Thúy Hằng	31721993	Xã hội học đại cương	19-0203	19CTL
438	3200219062	Phạm Nguyễn Hoàng	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0212	19CTL
439	3200219062	Phạm Nguyễn Hoàng	31721993	Xã hội học đại cương	19-0203	19CTL
440	3200219065	Trương Thị Kim Huệ	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
441	3200219065	Trương Thị Kim Huệ	31621549	Pháp luật đại cương	19-0201	19CTL
442	3200219065	Trương Thị Kim Huệ	31721993	Xã hội học đại cương	19-0203	19CTL
443	3200219069	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
444	3200219085	Nguyễn Thị Ngọc Lan	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
445	3200219085	Nguyễn Thị Ngọc Lan	31621549	Pháp luật đại cương	19-0201	19CTL
446	3200219085	Nguyễn Thị Ngọc Lan	32021716	Tâm lý học đại cương 3	19-0201	19CTL
447	3200219120	Lê Nguyễn Nhật Ngân	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
448	3200219125	Phạm Thị Ngân	31621549	Pháp luật đại cương	19-0201	19CTL
449	3200219134	Nguyễn Thị Thanh Nhân	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
450	3200219134	Nguyễn Thị Thanh Nhân	31621549	Pháp luật đại cương	19-0201	19CTL
451	3200219134	Nguyễn Thị Thanh Nhân	31721993	Xã hội học đại cương	19-0203	19CTL
452	3200219135	Lê Thị Nhân	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
453	3200219145	Nguyễn Quỳnh Như	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
454	3200219147	Hồ Thị Hồng Nhung	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0215	19CTL
455	3200219148	H Hanh Niê	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0215	19CTL
456	3200219152	Nguyễn Xuân Phát	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
457	3200219160	Nguyễn Thị Xuân Phương	31721993	Xã hội học đại cương	19-0203	19CTL
458	3200219160	Nguyễn Thị Xuân Phương	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
459	3200219160	Nguyễn Thị Xuân Phương	31621549	Pháp luật đại cương	19-0201	19CTL
460	3200219163	Nguyễn Đồng Xuân Quý	31721993	Xã hội học đại cương	19-0203	19CTL
461	3200219163	Nguyễn Đồng Xuân Quý	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0215	19CTL
462	3200219168	Nguyễn Hải Quỳnh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0215	19CTL
463	3200219184	Huỳnh Duy Thanh	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0212	19CTL
464	3200219184	Huỳnh Duy Thanh	31621549	Pháp luật đại cương	19-0201	19CTL
465	3200219184	Huỳnh Duy Thanh	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	19-0204	19CTL
466	3200219184	Huỳnh Duy Thanh	32041715	Tâm lý học đại cương 2	19-0201	19CTL
467	3200219186	Nguyễn Thị Hồng Thanh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	19CTL
468	3200219195	Hà Dung Nhật Thọ	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0215	19CTL
469	3200219205	Võ Thị Thuý	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	19CTL
470	3200219210	Nguyễn Thị Thanh Thúy	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0212	19CTL

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
471	3200219210	Nguyễn Thị Thanh Thúy	31721993	Xã hội học đại cương	19-0203	19CTL
472	3200219215	Nguyễn Thị Kim Thùy	31721993	Xã hội học đại cương	19-0203	19CTL
473	3200219226	Văn Thị Thùy Trâm	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	19CTL
474	3200219227	Phạm Phương Bảo Trâm	32021716	Tâm lý học đại cương 3	19-0201	19CTL
475	3200219227	Phạm Phương Bảo Trâm	32031114	Công tác xã hội	19-0201	19CTL
476	3200219227	Phạm Phương Bảo Trâm	32041715	Tâm lý học đại cương 2	19-0201	19CTL
477	3200219227	Phạm Phương Bảo Trâm	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
478	3200219231	Phan Thị Thùy Trang	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
479	3200219234	Lê Thu Trang	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
480	3200219248	Nguyễn Trung Tường	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
481	3200219256	Bùi Tổ Văn	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0212	19CTL
482	3200219256	Bùi Tổ Văn	31721993	Xã hội học đại cương	19-0203	19CTL
483	3200219259	Hà Hiền Vi	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
484	3200219260	Nguyễn Thành Vĩ	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
485	3200219266	Lê Thị Tường Vy	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTL
486	3200219266	Lê Thị Tường Vy	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0212	19CTL
487	3200219266	Lê Thị Tường Vy	32041715	Tâm lý học đại cương 2	19-0201	19CTL
488	3200219266	Lê Thị Tường Vy	32031114	Công tác xã hội	19-0201	19CTL
489	3200219275	Mai Thị Mỹ Xuân	31721993	Xã hội học đại cương	19-0203	19CTL
490	3200219275	Mai Thị Mỹ Xuân	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0212	19CTL
491	3200317009	Phạm Thị Minh Diệp	32031124	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	17-0601	17CTXH2
492	3200317018	Vũ Thị Trà Giang	41241859	Tiếng Anh A2.2	16-0207	17CTXH2
493	3200317021	Lò Thị Hằng	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	19-0201	17CTXH2
494	3200317021	Lò Thị Hằng	32031124	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	17-0601	17CTXH2
495	3200317026	Hiên Hiệp	32031124	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	17-0601	17CTXH2
496	3200317027	Rah Lan Hiếu	41231858	Tiếng Anh A2.1	18-0208	17CTXH1
497	3200317029	Hoàng Thị Hòa	32031124	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	17-0601	17CTXH2
498	3200317030	Brứ Thị Hoàn	41241859	Tiếng Anh A2.2	17-0305	17CTXH2
499	3200317030	Brứ Thị Hoàn	32031124	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	17-0601	17CTXH2
500	3200317037	Nguyễn Thị Hường	32021119	Công tác xã hội với dân tộc thiểu số	17-0601	17CTXH1
501	3200317052	Lê Đức Lương	41231858	Tiếng Anh A2.1	18-0208	17CTXH2
502	3200317055	Đinh Thị Ly Na	32031124	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	17-0601	17CTXH2
503	3200317066	H Duyên Niê	41251861	Tiếng Anh dự bị	05	17CTXH1
504	3200317066	H Duyên Niê	41231858	Tiếng Anh A2.1	16-0206	17CTXH1

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
505	3200317069	Bơ Nướch Thị Phôn	41241859	Tiếng Anh A2.2	17-0305	17CTXH2
506	3200317069	Bơ Nướch Thị Phôn	32031124	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	17-0601	17CTXH2
507	3200317071	Huỳnh Thị Kim Phước	32031123	Công tác xã hội với người nghèo	17-0601	17CTXH2
508	3200317075	Trần Nguyễn Thị Phương	32031124	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	17-0601	17CTXH2
509	3200317087	Hồ Thị Tô	41241859	Tiếng Anh A2.2	17-0305	17CTXH1
510	3200317097	Yang Thị Tuyết	41241859	Tiếng Anh A2.2	17-0101	17CTXH2
511	3200317099	Trương Thị Thanh Xuân	41241859	Tiếng Anh A2.2	16-0207	17CTXH2
512	3200317101	Trần Thị Thanh Yến	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	19-0201	17CTXH2
513	3200317101	Trần Thị Thanh Yến	32031124	Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	17-0601	17CTXH2
514	3200319003	Trần Hoàng Ân	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0209	19CTXH
515	3200319011	Đinh Thị Chang	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0212	19CTXH
516	3200319011	Đinh Thị Chang	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0216	19CTXH
517	3200319011	Đinh Thị Chang	31621549	Pháp luật đại cương	19-0201	19CTXH
518	3200319011	Đinh Thị Chang	32031280	Hành vi con người và môi trường xã hội	19-0201	19CTXH
519	3200319011	Đinh Thị Chang	32041724	Tâm lý học phát triển	19-0201	19CTXH
520	3200319011	Đinh Thị Chang	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	19-0202	19CTXH
521	3200319032	Tơ Ngồl Trường Giang	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0212	19CTXH
522	3200319055	Phạm Thị Ái Huyền	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0218	19CTXH
523	3200319156	Huỳnh Ngọc Tường	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTXH
524	3200319158	Đinh Thị Tuyết	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0212	19CTXH
525	3200319158	Đinh Thị Tuyết	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0216	19CTXH
526	3200319158	Đinh Thị Tuyết	31621549	Pháp luật đại cương	18-0102	19CTXH
527	3200319158	Đinh Thị Tuyết	32031280	Hành vi con người và môi trường xã hội	19-0201	19CTXH
528	3200319158	Đinh Thị Tuyết	32041724	Tâm lý học phát triển	19-0201	19CTXH
529	3200319158	Đinh Thị Tuyết	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	19-0202	19CTXH
530	3200319159	Bùi Thị Tố Uyên	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0213	19CTXH
531	3200319163	Hồ Văn Vịnh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0214	19CTXH
532	3200418002	Lê Thị Thùy Hoa	21328002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0201	18CTLC
533	3200418002	Lê Thị Thùy Hoa	32038084	Giáo dục kỹ năng sống	18-0201	18CTLC
534	3200418002	Lê Thị Thùy Hoa	32038088	Tâm lý học chẩn đoán	18-0201	18CTLC
535	3200418002	Lê Thị Thùy Hoa	32048079	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	18-0201	18CTLC
536	3200418002	Lê Thị Thùy Hoa	32048082	Tâm lý học xã hội	18-0201	18CTLC
537	3200419038	Trần Thị Thùy Trang	21238902	Triết học Mác - Lênin	19-0101	19CTLC
538	3200419038	Trần Thị Thùy Trang	31228012	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0101	19CTLC

Stt	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm học phần	Tên lớp
539	3220118003	Siu H' Choắt	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0210	18STH
540	3220118003	Siu H' Choắt	32231081	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	18-0101	18STH
541	3220118003	Siu H' Choắt	32241574	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 ở tiểu học	18-0101	18STH
542	3220118003	Siu H' Choắt	32241576	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	18-0101	18STH
543	3220118066	Lê Thị Thúy Vy	32221884	Tin học chuyên ngành 2	18-0101	18STH
544	3220119021	Nguyễn Thị Dung	32231089	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	19-0201	19STH1
545	3220119021	Nguyễn Thị Dung	32031259	Giáo dục học tiểu học (2)	19-0201	19STH1
546	3220119021	Nguyễn Thị Dung	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0220	19STH1
547	3220119021	Nguyễn Thị Dung	21231902	Triết học Mác - Lênin	19-0213	19STH1
548	3220119021	Nguyễn Thị Dung	32241094	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	19-0201	19STH1
549	3230118022	Hoàng Thị Hoài	41251861	Tiếng Anh dự bị	02	18SMN
550	3230119002	Lê Thị Diệu Bản	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0205	19SMN
551	3230119046	Phạm Thị Kiều Oanh	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SMN
552	3230119064	Nguyễn Thị Hoài Thương	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SMN
553	3230119075	Nguyễn Thị Cẩm Tú	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	19-0204	19SMN